

Bản án số: 66/2024/DS-PT

Ngày: 29-8-2024

“*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Hồng Ánh

Các thẩm phán: - Ông Tạ Duy Ước.

- Ông Bùi Đức Thanh.

- *Thư ký phiên tòa:* ông Nguyễn Phan Hải - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh:* bà Vũ Ngọc Quyên - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 02, 27 và 29 tháng 8 năm 2024, tại Hội trường xét xử số 4, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 50/2024/TLPT-DS ngày 12/7/2024 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2024/DS-ST ngày 07/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh bị anh Nguyễn Phi L là bị đơn kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 87/2024/QĐ-PT ngày 18/7/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 91/2024/QĐ-PT ngày 02/8/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần () Việt Nam T, địa chỉ trụ sở: số H L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền: ông Vương Văn T, chức vụ: Trưởng bộ phận xử lý nợ; ông Nguyễn Huy P và ông Lương Quốc H, đều là chuyên viên xử lý nợ-Ngân hàng thương mại cổ phần V; địa chỉ liên hệ: số A, đường B, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (theo văn bản ủy quyền số 551/2023/UQ-LCC-KHCNMB2 ngày 07-02-2023). Có mặt ông Nguyễn Huy P, vắng mặt ông Vương Văn T và ông Lương Quốc H.

2. Bị đơn: anh Nguyễn Phi L, sinh năm 1986 và chị Đỗ Huyền C, sinh năm 1997; địa chỉ nơi thường trú: tổ C (nay là tổ B), khu A, phường Y, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt anh Nguyễn Phi L, vắng mặt chị Đỗ Huyền T1.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Vũ Thị T2, sinh năm 1979: địa chỉ nơi thường trú: tổ F, khu G, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) kinh doanh dịch vụ và thương mại ô tô T5; địa chỉ trụ sở: số A phố N, phường G, quận L, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Cao N, chức vụ: Giám đốc Công ty, vắng mặt.

- Anh Hà Minh T3, cán bộ công tác tại Ngân hàng thương mại cổ phần V, chi nhánh T6- Phòng G, địa chỉ liên hệ: số B N, phường Q, quận C, thành phố Hà Nội, vắng mặt.

4. Người kháng cáo: anh Nguyễn Phi L là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng TMCP V do ông Nguyễn Huy P là người đại diện theo ủy quyền (viết tắt là nguyên đơn) khai: anh Nguyễn Phi L và chị Đỗ Huyền C ký kết với nguyên đơn 03 hợp đồng tín dụng vay của nguyên đơn 03 khoản tiền sau:

- Hợp đồng cho vay số LN2010302959707 ngày 06-11-2020 với nội dung: Anh L và chị C vay số tiền là: 1.411.679.193 đồng (*một tỷ, bốn trăm mười một triệu, sáu trăm bảy mươi chín nghìn, một trăm chín mươi ba đồng*); thời hạn vay: 84 tháng (*tám mươi bốn tháng*), tính từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên; mục đích sử dụng vay vốn: thanh toán tiền mua xe chiếc xe ô tô hiệu VINFAST, Lux SA 2.0 bản cao cấp, động cơ 2.0, AT sản xuất mới 100% phục vụ nhu cầu đi lại và thanh toán phí bảo hiểm; Nguyên đơn giải ngân theo phương thức chuyển khoản vào tài khoản của bên thụ hưởng; lãi suất cho vay (trong hạn): 9%/năm (365 ngày); cơ chế điều chỉnh lãi suất cho vay trong hạn: khoảng 12 tháng kể từ ngày 06-11-2020 là 9%/năm; sau đó điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần vào các ngày 01/01, 01/4, 01/7 và 01/10 hàng năm; ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên 06-11-2021, ngày điều chỉnh lãi suất tiếp là ngày 01-01-2022; mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng mức: lãi suất cơ sở VND áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 84 tháng được ngân hàng công bố (niêm yết tại W: www.V1.com.vn) có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3,6%/năm; lãi

suất quá hạn: bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất chậm trả đối với tiền lãi chậm trả: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Kỳ trả nợ gốc: theo định kỳ 01 tháng/01 lần vào ngày 15, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 15-12-2020; số tiền nợ gốc mà bên vay phải trả mỗi kỳ là 16.806.000 đồng, riêng kỳ cuối cùng trả 16.781.193 đồng; kỳ trả nợ lãi: bên vay phải trả tiền lãi theo định kỳ 01 tháng/01 lần vào ngày 15; kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 15-12-2020. Tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô nhãn hiệu Vinfast Lux 2.0, biển kiểm soát 14A-496.48, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 090571 do Phòng C1-Công an tỉnh Q cấp ngày 03-11-2020 đứng tên anh L, theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN2010302959707 ngày 06-11-2020 giữa nguyên đơn với anh L và chị C;

- Hợp đồng cho vay số LN2012223188710 ngày 30-12-2020 với nội dung: anh L, chị C vay số tiền là: 1.637.632.000 đồng (*một tỷ, sáu trăm ba mươi bảy triệu, sáu trăm ba mươi hai nghìn đồng*); thời hạn vay: 300 tháng (*ba trăm tháng*), tính từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên; mục đích sử dụng vay vốn: thanh toán tiền mua bất động sản (02 thửa đất số 326 và 327, tờ bản đồ số 25, tại tổ C, khu A, phường Y, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh) và thanh toán phí bảo hiểm; giải ngân theo phương thức: chuyển khoản vào tài khoản của bên thụ hưởng. Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 8,9%/năm (365 ngày); cơ chế điều chỉnh lãi suất cho vay trong hạn: lãi suất cho vay trong hạn cố định trong vòng 12 tháng kể từ ngày 31-12-2020. Hết 12 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần vào các ngày 01-01, 01-4, 01-7 và 01-10 hàng năm, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 31-12-2021, điều chỉnh sau đó vào ngày 01-01-2022; mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng mức lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 300 tháng được ngân hàng công bố (niêm yết trên website: www.VI.com.vn có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 2,5%/năm; lãi suất quá hạn: bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất chậm trả đối với tiền lãi chậm trả: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Kỳ trả nợ gốc: theo định kỳ 01 tháng/01 lần vào ngày 15, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 15-01-2021, tổng cộng gồm 300 kỳ; số tiền nợ gốc mà bên vay phải trả

mỗi kỳ là 5.459.000 đồng, riêng kỳ cuối cùng trả 5.391.000 đồng; kỳ trả nợ lãi: theo định kỳ 01 tháng/01 lần vào ngày 15; kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 15-01-2021.

Tài sản bảo đảm cho 02 khoản vay trên là hai quyền sử dụng (QSD) đất và tài sản gắn liền với 02 thửa đất số 326 và 327, tờ bản đồ số 25, tại **tổ C, khu A, phường Y, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh**, theo 02 giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU505037 và số CU505038 đều do **UBND thành phố H**, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 19-06-2020 đứng tên bà **Vũ Thị T2**, đăng ký sang tên cho anh **L**, chị **C** ngày 04-01-2021; theo hợp đồng thế chấp QSD đất số LN2012223188710 ngày 06-01-2021 tại **Văn phòng C2**. Việc thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật. Mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với thửa đất nêu trên đều thuộc tài sản đảm bảo cho khoản vay.

- Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 06-11-2020 (hợp đồng số 118-P-1980880 ngày 12-11-2020) với nội dung: anh **L**, chị **C** vay hạn mức thẻ/Số tiền vay vốn: 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*); mục đích vay: vay tiêu dùng cá nhân; phương thức: cho vay từng lần; phương thức trả nợ: trả gốc đều hàng tháng, lãi trả hàng tháng; lãi suất cho vay: 2,79%/tháng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Nguyên đơn đã giải ngân đủ các khoản tiền vay theo các hợp đồng cho vay. Quá trình thực hiện các hợp đồng, anh **L** và chị **C** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ các khoản nợ đã chuyển sang quá hạn với lãi suất quá hạn kể từ ngày 15-07-2021. Nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu nhưng anh **L**, chị **C** không trả nợ. Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: (1) Buộc anh **L** và chị **C** phải thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 12-08-2022 là 3.548.107.084 (*ba tỷ, năm trăm bốn mươi tám triệu, một trăm linh bảy nghìn, không trăm tám mươi bốn đồng*), cụ thể như sau: hợp đồng cho vay số LN2012223188710 ngày 30-12-2020: nợ gốc là 1.604.878.000 đồng; nợ lãi là 291.152.144 đồng; lãi chậm trả là 20.505.289 đồng; tổng cộng là 1.916.535.434 đồng; hợp đồng cho vay số LN2010302959707 ngày 06-11-2020: nợ gốc là 1.294.037.191 đồng, nợ lãi là 252.730.599 đồng, lãi chậm trả là 16.669.032 đồng; tổng cộng là 1.563.436.822 đồng; giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 06-11-2020 (số HĐ 118-P-1980880

ngày 12-11-2020): nợ gốc là 50.000.000 đồng; lãi quá hạn là 18.134.828 đồng; tổng cộng là 68.134.828 đồng; (2) Yêu cầu Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến ngày anh **L**, chị **C** thực tế thanh toán hết nợ cho nguyên đơn; (3) Yêu cầu Tòa án tuyên trong bản án: nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại 03 tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho nguyên đơn, gồm: 01 xe ô tô nhãn hiệu Vinfast Lux 2.0, biển kiểm soát 14A-496.48; hai QSD đất và tài sản gắn liền với 02 thửa đất số 326 và 327, tờ bản đồ số 25 tại **tổ C, khu A, phường Y, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh** theo các hợp đồng thuê chấp giữa nguyên đơn và anh **L**, chị **C**; Trường hợp số tiền phát mại tài sản không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì anh **L**, chị **C** vẫn phải tiếp tục trả nợ cho nguyên đơn cho đến khi các khoản nợ được tất toán.

Bị đơn là anh **Nguyễn Phi L** khai: anh không nhớ anh và vợ anh là chị **Đỗ Huyền C** đã ký kết tất cả mấy hợp đồng vay tiền với nguyên đơn. Mục đích vợ chồng anh ký các hợp đồng vay tiền với nguyên đơn là để vay tiền cho chị gái anh là **Nguyễn Thúy H1** sử dụng, còn chị **H1** sử dụng vào việc cá nhân của chị **H1** thì anh không biết. Trước khi ký kết các hợp đồng vay tiền của nguyên đơn, giữa vợ chồng anh và chị **H1** không thỏa thuận gì về việc chị **H1** nhờ vợ chồng anh ký các hợp đồng vay tiền với nguyên đơn, chị **H1** chỉ nhờ anh bằng miệng, còn chị **C** là vợ ủng hộ chồng nên cũng ký vào các hợp đồng vay tiền của nguyên đơn. Anh không nhớ rõ số tiền cụ thể của từng hợp đồng vay, thời hạn vay và lãi suất cụ thể của các hợp đồng vay. Anh không có ý kiến gì về việc nguyên đơn khai vợ chồng anh đã ký kết 03 hợp đồng tín dụng vay tiền của nguyên đơn; mục đích sử dụng vốn vay và về việc vợ chồng anh đã ký hợp đồng thế chấp các tài sản bảo đảm như nguyên đơn đã khai. Vợ chồng anh chỉ ký các hợp đồng vay, còn chị **H1** trực tiếp nhận các khoản tiền vay trên. Vợ chồng anh không trực tiếp trả nợ cho nguyên đơn mà do chị **H1** trực tiếp trả các khoản nợ trên nên anh không biết chị **H1** đã trả cho các khoản vay nào và trả được tất cả bao nhiêu tiền. Nguồn gốc tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu Vinfast Lux 2.0, biển kiểm soát 14A-496.48 trên giấy tờ là của vợ chồng anh mua, còn hiện nay chị **H1** đang quản lý, sử dụng. Nguồn gốc 02 thửa đất số 326 và 327, tờ bản đồ số 25, địa chỉ: **tổ C, khu A, phường Y, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh** đã thế chấp là của anh trai anh (anh **Nguyễn Quang T4**) mua của ông **H2** ở **tổ C, khu A, phường Y, thành phố H, Quảng Ninh**, còn vợ chồng anh chỉ đứng tên hộ. Trước khi ký kết các hợp đồng vay, chị **H1** trực tiếp làm việc với nguyên đơn nên anh không rõ các tài

liệu, chứng cứ liên quan đến nguồn gốc các khoản vay. Nay nguyên đơn khởi kiện, anh đề nghị nguyên đơn hỗ trợ kéo dài thời gian trả nợ gốc và miễn lãi cho vợ chồng anh vì quá trình vay vốn vợ chồng anh làm ăn không hiệu quả, không có khả năng trả ngay toàn bộ số nợ gốc và mức lãi suất mà nguyên đơn đưa ra. Anh và chị C đã nhận được các tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc nguyên đơn khởi kiện. Anh L không phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Toà án đã triệu tập họp lệ bị đơn là chị Đỗ Huyền C nhiều lần nhưng chị C vắng mặt không lý do, không cung cấp lời khai theo yêu cầu của Tòa án.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Vũ Thị T2 và người đại diện Công ty TNHH K đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

- Anh Hà Minh T3 khai: Anh làm việc tại ngân hàng TMCP V-Chi nhánh T6, Phòng G, Hà Nội từ tháng 04-2014 đến nay, với chức vụ chuyên viên tín dụng. Trong thời gian từ tháng 11 đến tháng 12-2020, anh có hướng dẫn anh Nguyễn Phi L và chị Đỗ Huyền C thực hiện các thủ tục ký kết 03 hợp đồng tín dụng vay vốn tại ngân hàng và ký các hợp đồng thế chấp tài sản để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ như nguyên đơn đã khai. Chữ viết trong các hợp đồng tín dụng do anh L và chị C trực tiếp viết, anh chỉ xác nhận vào các hợp đồng cho vay. Các thông tin liên quan đến nhân thân của anh L, chị C ghi trên các hợp đồng tín dụng do anh L, chị C cung cấp và trực tiếp viết vào giấy đề nghị. Anh L, chị C tự nguyện ký kết các hợp đồng tín dụng. Giữa anh và chị Nguyễn Thúy H1 không có mối quan hệ thân thích gì và không mâu thuẫn gì. Ngoài việc được ngân hàng thưởng doanh thu theo quy định, anh không được hưởng lợi ích vật chất gì khác từ anh L, chị C và chị H1. Theo giấy đề nghị, anh L và chị C đăng ký nhận thẻ tín dụng qua hình thức chuyển phát nhanh đến địa chỉ: cửa hàng G1, địa chỉ: tổ D, khu A, V, H, Quảng Ninh. Trung tâm thẻ của Ngân hàng TMCP V gửi chuyển phát nhanh thẻ tín dụng cho anh L và chị C, anh không tham gia vào giai đoạn gửi thẻ tín dụng. Thẻ tín dụng mà ngân hàng cấp cho anh L, chị C là thẻ tín dụng V1 MasterCard. Hình thức sử dụng thẻ tín dụng trên như sau: khách hàng sử dụng thẻ tín dụng trên để chi tiêu tiêu dùng cá nhân thông qua Pos quét thẻ, khách hàng sẽ thanh toán sau 15 ngày kể từ ngày nhận được sao kê từ ngân hàng. Anh không biết số thẻ tín dụng của anh L, chị C. Anh L và chị C đã kích hoạt sử dụng thẻ tín dụng trên vào thời gian nào thì anh không rõ vì anh không làm ở bộ phận giám sát việc kích hoạt sử dụng thẻ tín dụng. Khi gửi chuyển phát nhanh thẻ tín

dụng cho anh **L**, chị **C**, ngân hàng sẽ gửi kèm theo 01 bản hướng dẫn kích hoạt tài khoản, anh không được biết và không tham gia vào giai đoạn này. Anh **L**, chị **C** đã kích hoạt sử dụng thẻ tín dụng trên thông qua hình thức nhắn tin SMS theo cú pháp quy định của ngân hàng gửi lên tổng đài gồm: thông tin về số chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân, 04 số cuối của thẻ tín dụng đã được cấp và sử dụng thuê bao chính chủ đứng tên anh **L** là 0983.233.356. Hàng tháng, anh **L**, chị **C** nhận thông báo nhắc nợ và nhận sao kê chi tiêu thông qua tin nhắn SMS và nhận sao kê chi tiêu hàng tháng thông qua email anh **L** đã đăng ký với ngân hàng. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, anh **L** và chị **C** đã để quá hạn các khoản nợ, đã bị nhắc nợ nhiều lần và bị khóa thẻ tín dụng. Chưa khi nào anh **L**, chị **C** khiếu nại về việc chưa được nhận thẻ tín dụng.

Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 28-02-2023 và bản đồ khảo sát hiện trạng kỹ thuật 02 thửa đất số 326 và 327, tờ bản đồ địa chính số 25, tại **tổ C, (nay là tổ B), khu A, phường Y, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh** hiện nay đang đứng tên anh **L** và chị **C** thể hiện: ranh giới hiện trạng sử dụng đất của thửa 326, 327 với thửa 51 (tương ứng thửa số 136), thửa 53 (tương ứng với thửa 139) là tường chung. Trong đó: thửa 326 đã được cấp giấy chứng nhận có diện tích là: $S=50,8m^2$, được giới hạn bởi các điểm (1,2,3,4,9,10,1). Trên thửa đất số 326 có các tài sản gồm: nhà p (phibro xi măng) diện tích $S=21,7m^2$, nhà g (tôn) diện tích $S=11,8m^2$, 01 phần ngôi nhà g1 (nhà ở) diện tích $S=12,2m^2$, diện tích tường riêng xây giáp ngõ đi $S=8,5m^2$. Diện tích thửa 327 đã cấp giấy chứng nhận là: $S=62,2m^2$, được giới hạn bởi các điểm S (9,4,5,6,7,8,9). Trên thửa số 327 có các tài sản gồm: 01 phần ngôi nhà g1 (nhà ở) diện tích $S=20,0m^2$; mái tôn diện tích $S=24,5m^2$; sân gạch diện tích $S=42,2m^2$; tường xây chung giáp thửa 51 (tương ứng với thửa 136) diện tích $S=12,4m^2$; tường xây chung giáp thửa 53 (tương ứng với thửa 139) diện tích $S=10,3m^2$; tường riêng xây giáp ngõ đi diện tích $S=8,6m^2$; cổng sắt diện tích $S=2,8m^2$. Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 28-02-2023 thể hiện: chiếc xe ô tô nhãn hiệu Vinfast, số loại Lux 2.0, màu sơn đỏ, biển kiểm soát 14A-496.48 có số máy, số khung và các thông số kỹ thuật khác giống với thông số kỹ thuật ghi trên giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 090571 do **Phòng C1-Công an tỉnh Q** cấp ngày 03-11-2020 đứng tên anh **Nguyễn Phi L**.

Tại văn bản số 1558/CSGT ngày 22-05-2023, **Phòng C1, Công an tỉnh Q** cung cấp: xe ô tô biển số 14A-496.48, nhãn hiệu VINFAST, số loại LUX 2.0, sơn màu đỏ,

có số máy và số khung như trên đăng ký lần đầu tại Phòng C1, Công an tỉnh Q vào ngày 03-11-2020, chủ xe là Nguyễn Phi L, địa chỉ: tổ D, khu B, V, H, Quảng Ninh, số Giấy chứng nhận đăng ký xe: 090571.

Do các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà sơ thẩm:

- Nguyên đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung sau: (1) Chấm dứt hợp đồng cho vay số LN2010302959707 ngày 06-11-2020; hợp đồng cho vay số LN2012223188710 ngày 30-12-2020 và giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 06-11-2020 (Số hợp đồng 118-P-1980880 ngày 12-11-2020); (2) Buộc anh L và chị C phải trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi theo 03 hợp đồng cho vay đã ký kết tính đến ngày 07-03-2024 là: 4.464.818.525 đồng (*bốn tỷ, bốn trăm sáu mươi bốn triệu, tám trăm mười tám nghìn, năm trăm hai mươi lăm đồng*), cụ thể: Hợp đồng cho vay số LN2010302959707 ngày 06-11-2020 là: 1.961.405.057 đồng (*một tỷ, chín trăm sáu mươi một triệu, bốn trăm linh năm nghìn, không trăm năm mươi bảy đồng*), gồm: nợ gốc là 1.294.037.191 đồng (*một tỷ, hai trăm chín mươi bốn triệu, không trăm ba mươi bảy nghìn, một trăm chín mươi một đồng*); lãi trong hạn là 9.518.968 đồng (*chín triệu, năm trăm mười tám nghìn, chín trăm sáu mươi tám đồng*); lãi quá hạn là 655.327.023 đồng (*sáu trăm năm mươi lăm triệu, ba trăm hai mươi bảy nghìn, không trăm hai mươi ba đồng*); lãi chậm trả là 2.521.875 đồng (*hai triệu, năm trăm hai mươi một nghìn, tám trăm bảy mươi lăm đồng*); Hợp đồng cho vay số LN2012223188710 ngày 30-12-2020 là 2.390.652.562 đồng (*hai tỷ, ba trăm chín mươi triệu, sáu trăm năm mươi hai nghìn, năm trăm sáu mươi hai đồng*), gồm: nợ gốc là 1.604.878.000 đồng (*một tỷ, sáu trăm linh bốn triệu, tám trăm bảy mươi tám nghìn đồng*); lãi trong hạn là 11.705.100 đồng (*mười một triệu, bảy trăm linh năm nghìn, một trăm đồng*); lãi quá hạn là 770.968.412 đồng (*bảy trăm bảy mươi triệu, chín trăm sáu mươi tám nghìn, bốn trăm mười hai đồng*); lãi chậm trả là 3.101.050 đồng (*ba triệu, một trăm linh một nghìn, không trăm năm mươi đồng*); Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 06-11-2020 (hợp đồng số 118-P-1980880 ngày 12-11-2020) là 112.760.906 đồng (*một trăm mười hai triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn, chín trăm linh sáu đồng*), gồm: nợ gốc là 49.985.500 đồng

(bốn mươi chín triệu, chín trăm tám mươi lăm nghìn, năm trăm đồng); lãi quá hạn là 62.775.406 đồng (sáu mươi hai triệu, bảy trăm bảy mươi lăm nghìn, bốn trăm linh sáu đồng); Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07-03-2024) cho đến khi thi hành án xong, anh **L** và chị **C** còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn các bên thoả thuận trong các hợp đồng cho vay; Trường hợp trong các hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng thì lãi suất mà anh **L**, chị **C** phải tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng; Trường hợp anh **L**, chị **C** không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN2010302959707 ngày 06-11-2020 và theo hợp đồng thế chấp QSD đất số LN2012223188710 ngày 06-01-2021; Trong trường hợp số tiền thu hồi được từ tài sản đảm bảo không đủ trả nợ thì anh **L** và chị **C** còn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản tiền vay; về chi phí tố tụng: nguyên đơn tự nguyện nộp toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án.

Với nội dung trên, tại bản án sơ thẩm số: 13/2024/DS-ST ngày 07/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long đã quyết định: căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, các khoản 1,2 Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 116, 298, 299, 303, 317, khoản 3 Điều 318, các Điều 319, 320, 357, 398, khoản 4 Điều 422, các khoản 1,2,3 Điều 428, Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 468 và Điều 689 Bộ luật Dân sự năm 2015; các điểm a, d khoản 3 Điều 167 Luật Đất đai; khoản 2 Điều 91 và khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 27 và khoản 1 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Điều 64 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013; điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01-9-2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm; Điều 13, khoản 1 Điều 23 và khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30-12-2016 của **Ngân hàng N1** quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; Thông tư liên tịch số 07/2019/TT-BTP ngày 25-11-2019

của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số nội dung về đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; Thông tư số 08/2018/TT-BTP ngày 20-6-2018 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng và trao đổi thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm tại các trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đ thuộc Bộ Tư pháp; các Điều 1,10, điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 1 Điều 6, khoản 3 Điều 18 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V.

Chấm dứt hợp đồng cho vay số LN2010302959707 ngày 06-11-2020 giữa Ngân hàng TMCP V-Chi nhánh T6 và anh Nguyễn Phi L, chị Đỗ Huyền C; hợp đồng cho vay số LN2012223188710 ngày 30-12-2020 giữa Ngân hàng TMCP V-Chi nhánh T6 và anh Nguyễn Phi L, chị Đỗ Huyền C; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 06-11-2020 (hợp đồng số 118-P-1980880 ngày 12-11-2020) giữa Ngân hàng TMCP V-Chi nhánh T6, Phòng G và anh Nguyễn Phi L, chị Đỗ Huyền C.

Buộc anh Nguyễn Phi L và chị Đỗ Huyền C có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP V toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi theo 03 hợp đồng tín dụng đã ký kết tính đến ngày 07-03-2024 là: 4.464.818.525 đồng (*bốn tỷ, bốn trăm sáu mươi bốn triệu, tám trăm mười tám nghìn, năm trăm hai mươi lăm đồng*), cụ thể như sau:

+ Hợp đồng cho vay số LN2010302959707 ngày 06-11-2020 là: 1.961.405.057 đồng (*một tỷ, chín trăm sáu mươi một triệu, bốn trăm linh năm nghìn, không trăm năm mươi bảy đồng*), trong đó: nợ gốc là: 1.294.037.191 đồng (*một tỷ, hai trăm chín mươi bốn triệu, không trăm ba mươi bảy nghìn, một trăm chín mươi một đồng*); lãi trong hạn là: 9.518.968 đồng (*chín triệu, năm trăm mười tám nghìn, chín trăm sáu mươi tám đồng*); lãi quá hạn là: 655.327.023 đồng (*sáu trăm năm mươi lăm triệu, ba trăm hai mươi bảy nghìn, không trăm hai mươi ba đồng*); lãi chậm trả là: 2.521.875 đồng (*hai triệu, năm trăm hai mươi một nghìn, tám trăm bảy mươi lăm đồng*).

+ Hợp đồng cho vay số LN2012223188710 ngày 30-12-2020 là: 2.390.652.562

đồng (hai tỷ, ba trăm chín mươi triệu, sáu trăm năm mươi hai nghìn, năm trăm sáu mươi hai đồng), gồm: nợ gốc là: 1.604.878.000 đồng (một tỷ, sáu trăm linh bốn triệu, tám trăm bảy mươi tám nghìn đồng); lãi trong hạn là: 11.705.100 đồng (mười một triệu, bảy trăm linh năm nghìn, một trăm đồng); lãi quá hạn là: 770.968.412 đồng (bảy trăm bảy mươi triệu, chín trăm sáu mươi tám nghìn, bốn trăm mười hai đồng); lãi chậm trả là: 3.101.050 đồng (ba triệu, một trăm linh một nghìn, không trăm năm mươi đồng).

+ Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 06-11-2020 (hợp đồng số 118-P-1980880 ngày 12-11-2020) là: 112.760.906 đồng (một trăm mười hai triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn, chín trăm linh sáu đồng), gồm: nợ gốc là: 49.985.500 đồng (bốn mươi chín triệu, chín trăm tám mươi lăm nghìn, năm trăm đồng); lãi quá hạn là: 62.775.406 đồng (sáu mươi hai triệu, bảy trăm bảy mươi lăm nghìn, bốn trăm linh sáu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07-3-2024) cho đến khi thi hành án xong, anh Nguyễn Phi L và chị Đỗ Huyền C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn các bên thoả thuận trong hợp đồng cho vay số LN2010302959707 ngày 06-11-2020, hợp đồng cho vay số LN2012223188710 ngày 30-12-2020 giữa ngân hàng thương mại cổ phần V-Chi nhánh T6 và anh Nguyễn Phi L, chị Đỗ Huyền C; giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 06-11-2020 (hợp đồng số 118-P-1980880 ngày 12-11-2020) giữa Ngân hàng TMCP V-Chi nhánh T6, Phòng G và anh Nguyễn Phi L, chị Đỗ Huyền C nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp trong các hợp đồng tín dụng các bên có thoả thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà anh L và chị C phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP V theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng.

Trường hợp anh L và chị C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp để thu hồi tiền vay, gồm: quyền sử dụng diện tích 50,8m² đất, được giới hạn bởi các điểm (1,2,3,4,9,10,1) và các tài sản gắn liền với đất gồm: nhà p (phibro xi măng) diện tích S=21,7m², nhà g (tôn) diện tích S=11,8m², một phần nhà g1 (nhà

ở) diện tích $S=12,2m^2$, tường riêng xây giáp ngõ đi $S=8,5m^2$, thuộc thửa đất số 326, tờ bản đồ địa chính số 25, tại tổ C (nay là tổ B), khu A, phường Y, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; quyền sử dụng diện tích $S=62,2m^2$, được giới hạn bởi các điểm S (9,4,5,6,7,8,9) và các tài sản gắn liền với đất gồm: một phần ngôi nhà g1 (nhà ở) diện tích $S=20,0m^2$, mái tôn diện tích $S=24,5m^2$, sân gạch diện tích $S=42,2m^2$, tường xây chung giáp thửa 51 (tương ứng với thửa 136) diện tích $S=12,4m^2$, tường xây chung giáp thửa 53 (tương ứng với thửa 139) diện tích $S=10,3m^2$, tường riêng xây giáp ngõ đi diện tích $S=8,6m^2$, cổng sắt diện tích $S=2,8m^2$, thuộc thửa đất số 327, tờ bản đồ địa chính số 25, tại tổ C (nay là tổ B), khu A, phường Y, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LN2012223188710 ngày 06-01-2021 giữa ngân hàng TMCP V- Chi nhánh Q và anh Nguyễn Phi L, chị Đỗ Huyền C (có sơ đồ kèm theo); và 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Vinfast, số loại Lux 2.0, màu sơn đỏ, biển kiểm soát 14A-496.48, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 090571 do Phòng C1-Công an tỉnh Q cấp ngày 03-11-2020 đứng tên chủ xe là anh Nguyễn Phi L, theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN2010302959707 ngày 06-11-2020 giữa Ngân hàng TMCP V- Chi nhánh H3, Phòng G2 và anh Nguyễn Phi L, chị Đỗ Huyền C.

Trong trường hợp số tiền thu hồi được từ tài sản đảm bảo không đủ trả nợ thì anh L và chị C còn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản tiền vay.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ, về án phí, về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/3/2024 anh Nguyễn Phi L là bị đơn kháng cáo toàn bộ Bản án số 13/2014/DS-ST ngày 07/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; đề nghị xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; xác minh người chiếm đoạt tiền trong thẻ tín dụng của anh Nguyễn Phi L.

Tại phiên tòa phúc thẩm: nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh phát biểu quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự, đều chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Phi L, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Kháng cáo của anh Nguyễn Phi L được thực hiện trong thời hạn luật định, nội dung kháng nghị trong phạm vi bản án sơ thẩm, nên hợp lệ và được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của anh Nguyễn Phi L:

Tại phiên Tòa phúc thẩm anh Nguyễn Phi L giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày: anh Nguyễn Phi L có đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giúp anh trai mình là Nguyễn Quang T4 đối với 02 thửa đất của anh T4 ở tại tổ C, khu A, phường Y, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Sau đó anh L dùng 02 tài sản trên để vay tiền giúp chị gái là Nguyễn Thúy H1. Cụ thể, anh L đứng tên 03 khoản vay như sau tại Ngân hàng V2:

1. Hợp đồng số LN2010302959707, nợ gốc 1.294.037.191đ và lãi phát sinh.
2. Hợp đồng số 118-P-1980880 bao gồm 50.000đ gốc và lãi phát sinh.
3. Hợp đồng số LN2012223188710, nợ gốc 1.604.878.000đ và lãi phát sinh.

Do chị Nguyễn Thúy H1 là chị gái của anh L làm ăn thua lỗ, không có khả năng trả nợ nên gia đình anh L đồng thuận trả 02 khoản vay theo Hợp đồng số LN2010302959707 và Hợp đồng số LN2012223188710 thay cho chị H1; gia đình đã làm đơn trình bày với ngân hàng về hoàn cảnh khó khăn của gia đình. Mong ngân hàng tạo điều kiện giảm lãi để khắc phục trả nợ thuận lợi. Trong trường hợp không thể trả được nợ, gia đình anh L đồng thuận bàn giao 03 tài sản đang thế chấp để thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Riêng món vay 50.000.000đ thế tín dụng theo Hợp đồng số 118-P-1980880 anh L không hề sử dụng, có người đã sử dụng thẻ, chiếm đoạt số tiền đó; Bản án tuyên anh L phải trả số tiền này là sai pháp luật. Anh L đề nghị xét xử phúc thẩm xác minh người chiếm đoạt tiền trong thẻ tín dụng của anh L.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh L khai xác nhận có đăng ký mở thẻ tín dụng Đối với khoản vay tín dụng thẻ là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) theo giấy đề

ngộ kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 06-11-2020 (hợp đồng số 118-P-1980880 ngày 12-11-2020). Nhưng anh **L** không sử dụng thẻ mà có người đã sử dụng thẻ để chiếm đoạt số tiền trong thẻ. Hội đồng xét xử xét thấy:

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24-8-2023, biên bản hòa giải ngày 31-5-2023 và biên bản hòa giải ngày 29-6-2023 và tại phiên tòa, anh **L** khai anh không có ý kiến gì về khoản vay theo hợp đồng tín dụng thẻ mà nguyên đơn đã khai.

Nguyên đơn khai hàng tháng nguyên đơn gửi sao kê thẻ tín dụng cho anh **L** và chị **C** thông qua hai phương thức: gửi tin nhắn SMS và gửi email anh **L** đã đăng ký. Lời khai này của nguyên đơn phù hợp với quy định tại mục 1 Phần II (Phương thức gửi sao kê) ghi trong Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 06-11-2020 giữa anh **L**, chị **C** và nguyên đơn, phù hợp với nội dung các tin nhắn liên quan đến số thẻ tín dụng, chốt sao kê, dư nợ thẻ tín dụng do nguyên đơn gửi đến số điện thoại 0983233356 của anh **L** vào ngày 27, 28-12-2021, ngày 05-01 và ngày 10-01 năm 2022, hiện nay anh **L** vẫn còn đang lưu trữ và đã được Tòa án chụp lại tại phiên tòa ngày 24-01-2024 lưu hồ sơ vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ngày 08/01/2024 anh **L** có đơn đề nghị ngân hàng tạo điều kiện cho anh **L** được miễn tất cả các khoản tiền lãi của 03 món vay theo: Hợp đồng số LN2010302959707, nợ gốc 1.294.037.191đ và lãi phát sinh; Hợp đồng số 118-P-1980880 bao gồm 50.000đ gốc và lãi phát sinh; Hợp đồng số LN2012223188710, nợ gốc 1.604.878.000đ và lãi phát sinh. Anh **L** đồng thuận bán tài sản đang thế chấp tại **ngân hàng V1** là nhà đất và xe ô tô đang thế chấp tại **ngân hàng V1** để trả toàn bộ các khoản vay gốc của ngân hàng. Từ những phân tích và viện dẫn nêu trên, đủ cơ sở kết luận Bản án sơ thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả nguyên đơn số tiền 112.760.906đ theo Hợp đồng số 118-P-1980880 là có căn cứ, đúng pháp luật. Không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của anh **Nguyễn Phi L**.

Về án phí: kháng cáo của anh **Nguyễn Phi L** không được chấp nhận, vì vậy, anh **L** phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của anh **Nguyễn Phi L**; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 13/2024/DS-ST ngày 07/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 38, khoản 3 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 2 Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 116, 298, 299, 303, 317, khoản 3 Điều 318, các Điều 319, 320, 357, 398, khoản 4 Điều 422, các khoản 1, 2, 3 Điều 428, Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 468 và Điều 689 Bộ luật Dân sự năm 2015; các điểm a, d khoản 3 Điều 167 Luật Đất đai; khoản 2 Điều 91 và khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 27 và khoản 1 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Điều 64 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013; điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01-9-2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm; Điều 13, khoản 1 Điều 23 và khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30-12-2016 của **Ngân hàng N1** quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; Thông tư liên tịch số 07/2019/TT-BTP ngày 25-11-2019 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số nội dung về đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; Thông tư số 08/2018/TT-BTP ngày 20-6-2018 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng và trao đổi thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm tại các trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản của **Cục Đ** thuộc Bộ Tư pháp; các Điều 1,10, điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 1 Điều 6, khoản 3 Điều 18 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP V**.

Chấm dứt hợp đồng cho vay số LN2010302959707 ngày 06-11-2020 giữa **Ngân hàng TMCP V-Chi nhánh T6** và anh **Nguyễn Phi L**, chị **Đỗ Huyền C**; hợp đồng

cho vay số LN2012223188710 ngày 30-12-2020 giữa Ngân hàng TMCP V-Chi nhánh T6 và anh Nguyễn Phi L, chị Đỗ Huyền C; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 06-11-2020 (hợp đồng số 118-P-1980880 ngày 12-11-2020) giữa Ngân hàng TMCP V-Chi nhánh T6, Phòng G và anh Nguyễn Phi L, chị Đỗ Huyền C.

Buộc anh Nguyễn Phi L và chị Đỗ Huyền C có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP V toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi theo 03 hợp đồng tín dụng đã ký kết tính đến ngày 07-03-2024 là: 4.464.818.525 đồng (*bốn tỷ, bốn trăm sáu mươi bốn triệu, tám trăm mười tám nghìn, năm trăm hai mươi lăm đồng*), cụ thể như sau:

+ Hợp đồng cho vay số LN2010302959707 ngày 06-11-2020 là: 1.961.405.057 đồng (*một tỷ, chín trăm sáu mươi một triệu, bốn trăm linh năm nghìn, không trăm năm mươi bảy đồng*), trong đó: nợ gốc là: 1.294.037.191 đồng (*một tỷ, hai trăm chín mươi bốn triệu, không trăm ba mươi bảy nghìn, một trăm chín mươi một đồng*); lãi trong hạn là: 9.518.968 đồng (*chín triệu, năm trăm mười tám nghìn, chín trăm sáu mươi tám đồng*); lãi quá hạn là: 655.327.023 đồng (*sáu trăm năm mươi lăm triệu, ba trăm hai mươi bảy nghìn, không trăm hai mươi ba đồng*); lãi chậm trả là: 2.521.875 đồng (*hai triệu, năm trăm hai mươi một nghìn, tám trăm bảy mươi lăm đồng*).

+ Hợp đồng cho vay số LN2012223188710 ngày 30-12-2020 là: 2.390.652.562 đồng (*hai tỷ, ba trăm chín mươi triệu, sáu trăm năm mươi hai nghìn, năm trăm sáu mươi hai đồng*), gồm: nợ gốc là: 1.604.878.000 đồng (*một tỷ, sáu trăm linh bốn triệu, tám trăm bảy mươi tám nghìn đồng*); lãi trong hạn là: 11.705.100 đồng (*mười một triệu, bảy trăm linh năm nghìn, một trăm đồng*); lãi quá hạn là: 770.968.412 đồng (*bảy trăm bảy mươi triệu, chín trăm sáu mươi tám nghìn, bốn trăm mười hai đồng*); lãi chậm trả là: 3.101.050 đồng (*ba triệu, một trăm linh một nghìn, không trăm năm mươi đồng*).

+ Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 06-11-2020 (hợp đồng số 118-P-1980880 ngày 12-11-2020) là: 112.760.906 đồng (*một trăm mười hai triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn, chín trăm linh sáu đồng*), gồm: nợ gốc là: 49.985.500 đồng (*bốn mươi chín triệu, chín trăm tám mươi lăm nghìn, năm trăm đồng*); lãi quá hạn là: 62.775.406 đồng (*sáu mươi hai triệu, bảy trăm bảy mươi lăm nghìn, bốn trăm linh sáu đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07-3-2024) cho đến khi thi hành án xong, anh Nguyễn Phi L và chị Đỗ Huyền C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn các bên thoả thuận trong hợp đồng cho vay số LN2010302959707 ngày 06-11-2020, hợp đồng cho vay số LN2012223188710 ngày 30-12-2020 giữa ngân hàng thương mại cổ phần V-Chi nhánh T6 và anh Nguyễn Phi L, chị Đỗ Huyền C; giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 06-11-2020 (hợp đồng số 118-P-1980880 ngày 12-11-2020) giữa Ngân hàng TMCP V-Chi nhánh T6, Phòng G và anh Nguyễn Phi L, chị Đỗ Huyền C nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp trong các hợp đồng tín dụng các bên có thoả thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà anh L và chị C phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP V theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng.

Trường hợp anh L và chị C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp để thu hồi tiền vay, gồm: quyền sử dụng diện tích 50,8m² đất, được giới hạn bởi các điểm (1,2,3,4,9,10,1) và các tài sản gắn liền với đất gồm: nhà p (phibro xi măng) diện tích S=21,7m², nhà g (tôn) diện tích S=11,8m², một phần nhà g1 (nhà ở) diện tích S=12,2m², tường riêng xây giáp ngõ đi S=8,5m², thuộc thửa đất số 326, tờ bản đồ địa chính số 25, tại tổ C (nay là tổ B), khu A, phường Y, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; quyền sử dụng diện tích S=62,2m², được giới hạn bởi các điểm S (9,4,5,6,7,8,9) và các tài sản gắn liền với đất gồm: một phần ngôi nhà g1 (nhà ở) diện tích S= 20,0m², mái tôn diện tích S=24,5m², sân gạch diện tích S=42,2m², tường xây chung giáp thửa 51 (tương ứng với thửa 136) diện tích S=12,4m², tường xây chung giáp thửa 53 (tương ứng với thửa 139) diện tích S=10,3m², tường riêng xây giáp ngõ đi diện tích S=8,6m², công sắt diện tích S=2,8m², thuộc thửa đất số 327, tờ bản đồ địa chính số 25, tại tổ C (nay là tổ B), khu A, phường Y, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LN2012223188710 ngày 06-01-2021 giữa ngân hàng TMCP V-Chi nhánh Q và anh Nguyễn Phi L, chị Đỗ Huyền C (có sơ đồ kèm theo); và 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Vinfast, số loại Lux 2.0, màu sơn đỏ, biển kiểm soát 14A-496.48, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 090571 do Phòng C1-Công an tỉnh Q cấp ngày 03-11-2020 đứng tên chủ xe là anh Nguyễn Phi

L, theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN2010302959707 ngày 06-11-2020 giữa Ngân hàng TMCP V- Chi nhánh H3, Phòng G2 và anh Nguyễn Phi L, chị Đỗ Huyền C.

Trong trường hợp số tiền thu hồi được từ tài sản đảm bảo không đủ trả nợ thì anh L và chị C còn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản tiền vay.

2. Về chi phí tố tụng: Ngân hàng TMCP V tự nguyện nộp toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ (đã nộp đủ).

3. Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Phi L và chị Đỗ Huyền C phải nộp 112.464.818 đồng (*một trăm mười hai triệu, bốn trăm sáu mươi bốn nghìn, tám trăm mười tám đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền 51.481.070 đồng (*năm mươi một triệu, bốn trăm tám mươi một nghìn, không trăm bảy mươi đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001125 ngày 07-11-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Về án phí dân sự phúc thẩm: anh Nguyễn Phi L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000688 ngày 22-4-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP Hạ Long.
- VKSND tỉnh Quảng Ninh.
- THADS TP Hạ Long.
- Các đương sự.
- Lưu HS - VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Ánh

